CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

FireAnt

Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

Ngày 30/06/2025	23,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.1%	**-6.2%**	**-0.9%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,832 - 28,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,570
Số lượng CPLH (CP)	237,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	338,915
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.42
EPS	1,346
P/E	17.5

DT thuần
Q2/25
1,401
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 158| 12.7%
YoY: ▼128| -8.4%

LN thuần
Q2/25
160
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 64.2| 67.2%
YoY: ▼106| -39.8%

LN sau thuế
Q2/25
153
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 67.2| 77.9%
YoY: ▼106| -41.1%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
12.5%
YoY: +/-▲ 3.6%

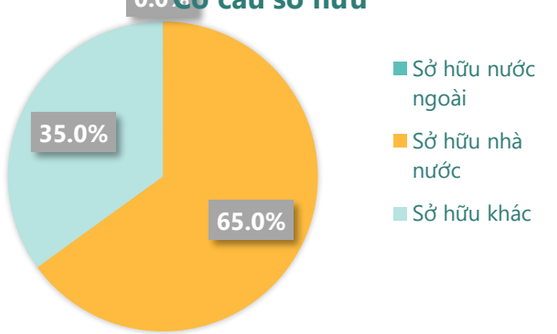
ROE (TTM)
Q2/25
9.4%
YoY: +/-▼ 3.0%

DT thuần
6T 2025
2,644
tỷ VNĐ
YoY: ▼80.0| -2.9%

LN thuần
6T 2025
256
tỷ VNĐ
YoY: ▼116| -31.2%

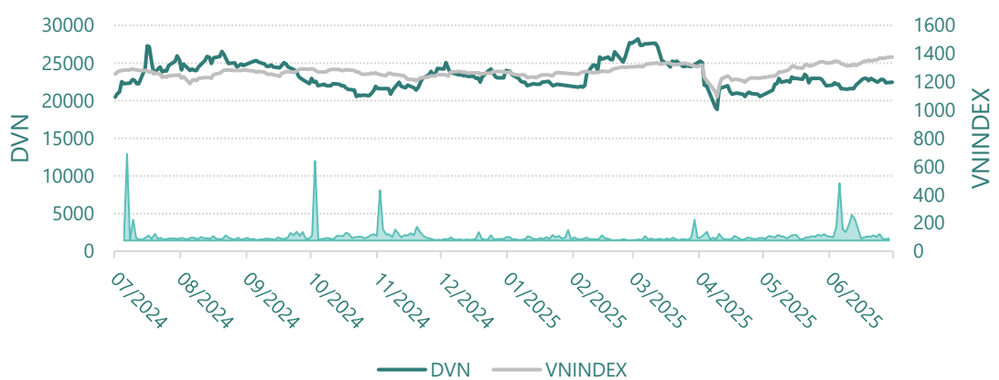
LN sau thuế
6T 2025
238
tỷ VNĐ
YoY: ▼115| -32.4%

Cơ cấu sở hữu

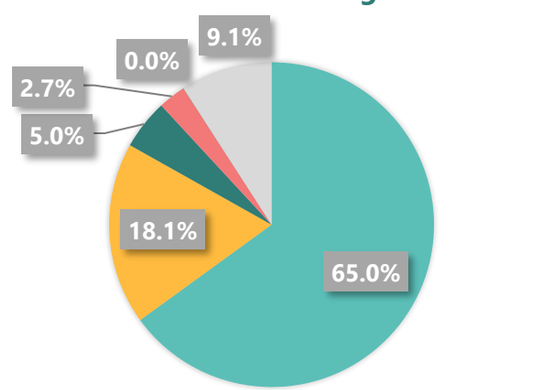


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



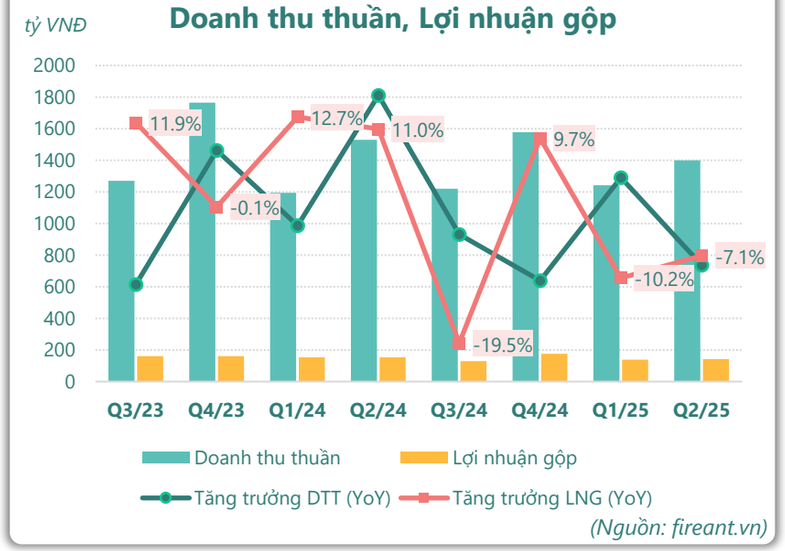
Cơ cấu cổ đông



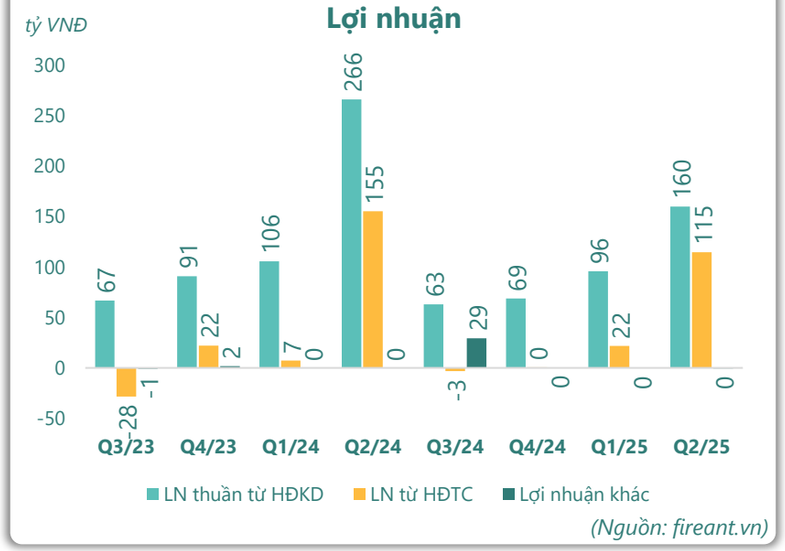
- Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- CTCP Quản lý quỹ PVI
- CTCP Sam Holdings
- Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI
- Nguyễn Thị Thu
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

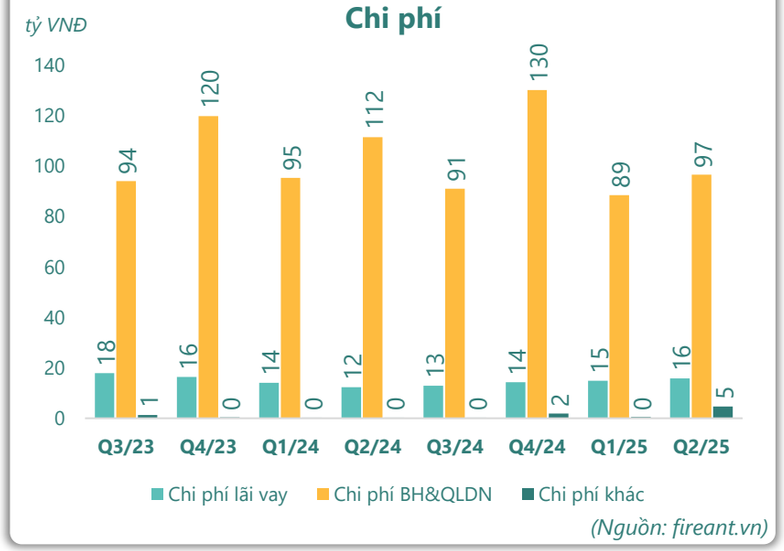
KẾT QUẢ KINH DOANH



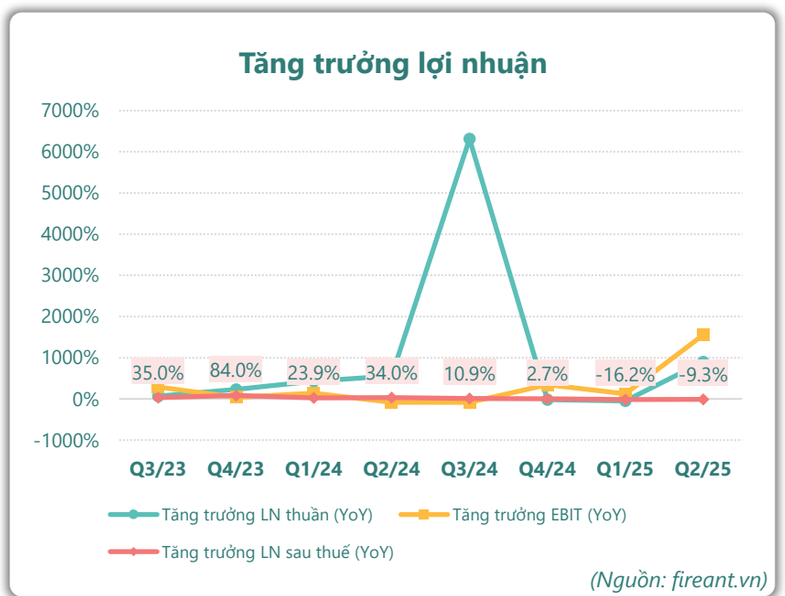
(Nguồn: fireant.vn)



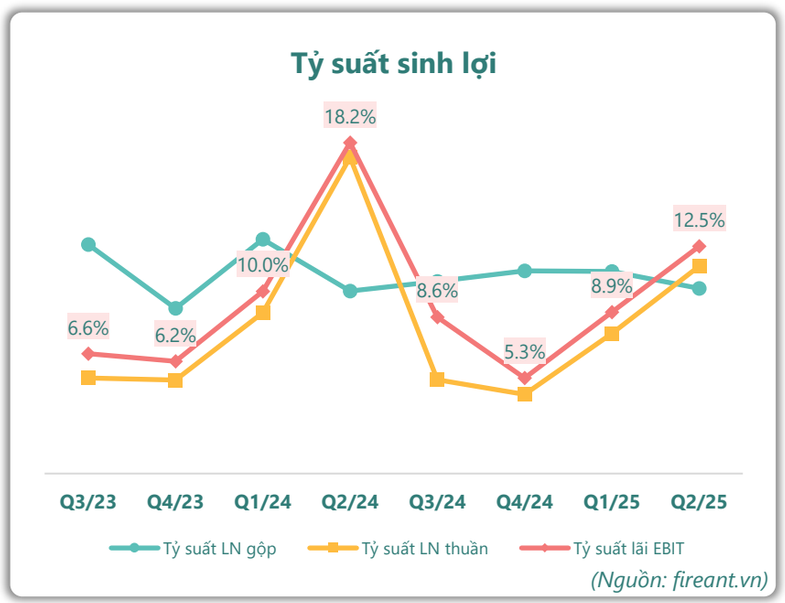
(Nguồn: fireant.vn)



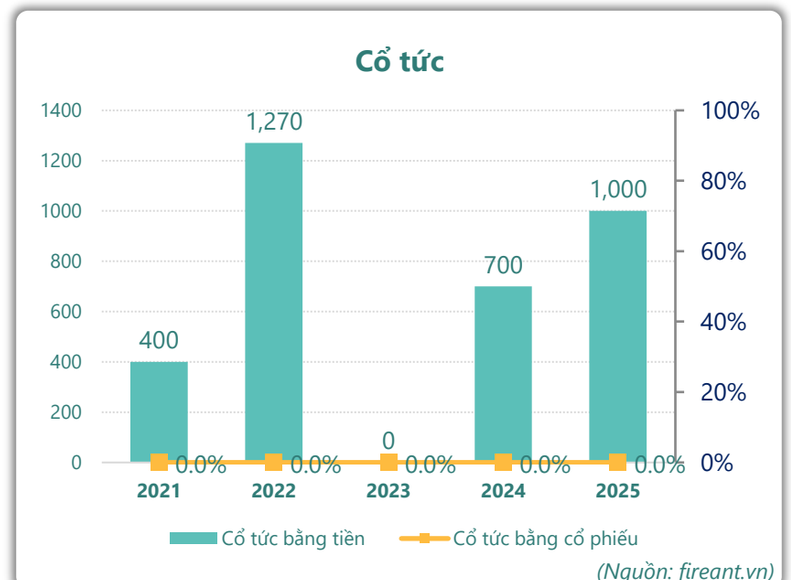
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



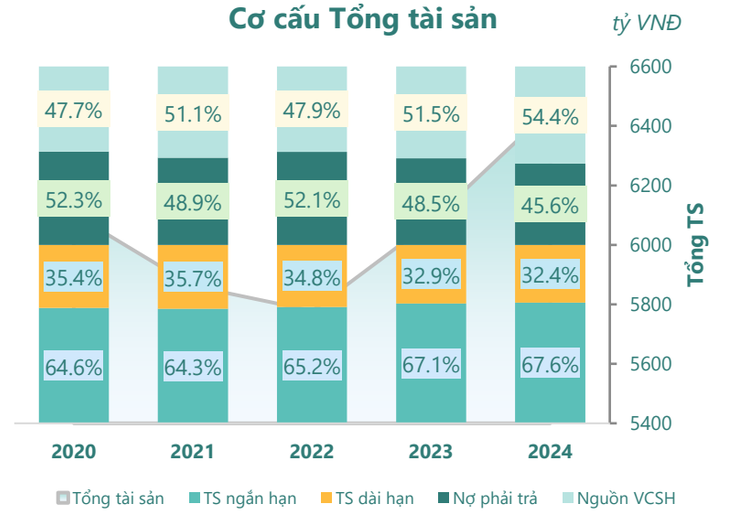
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

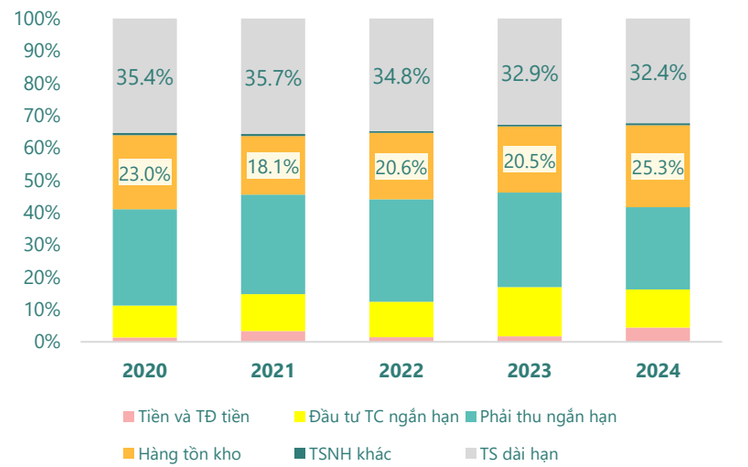
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



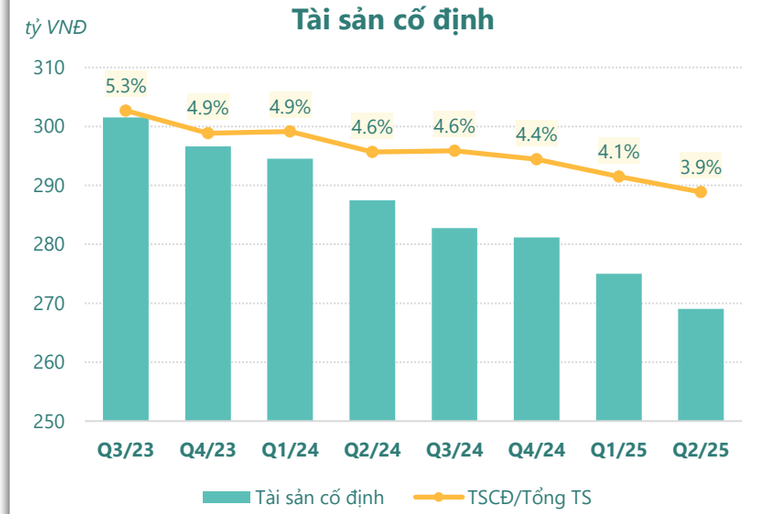
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



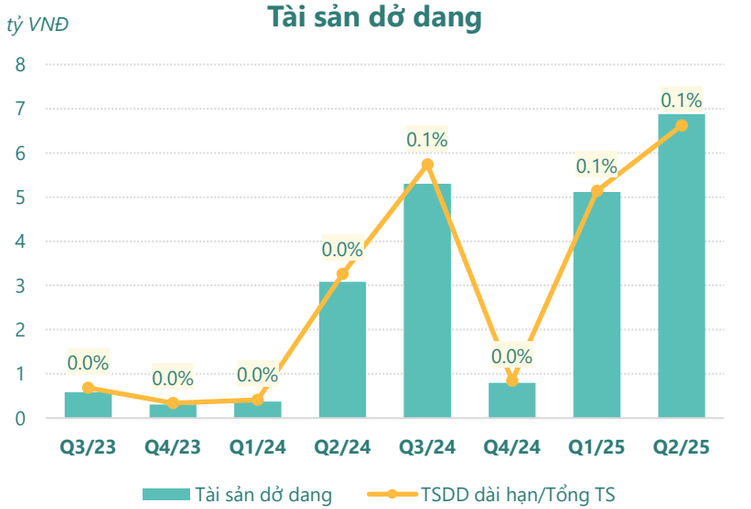
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



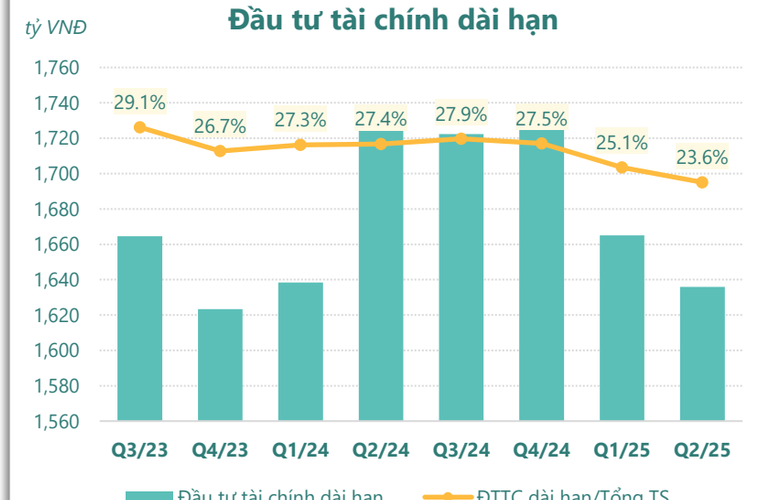
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



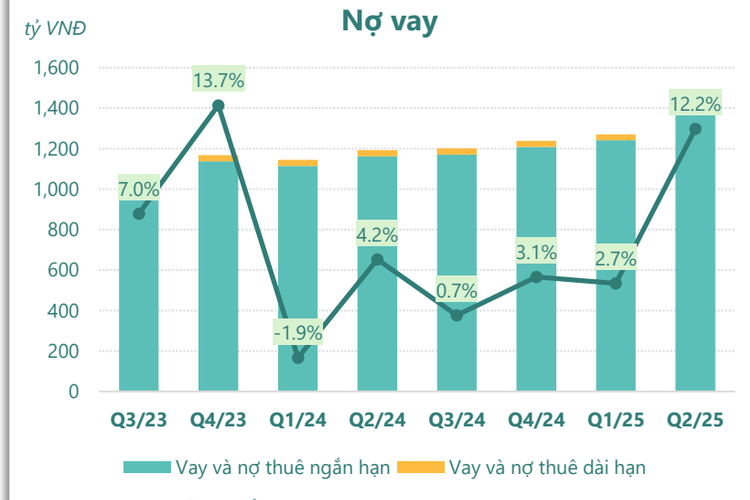
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

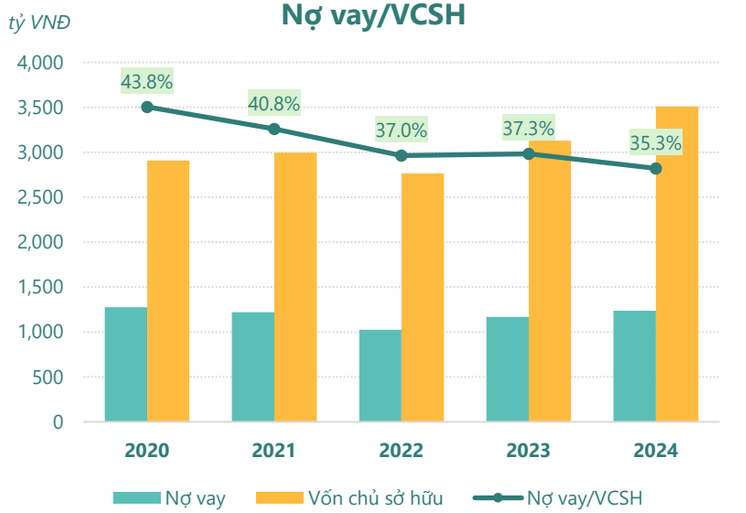
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

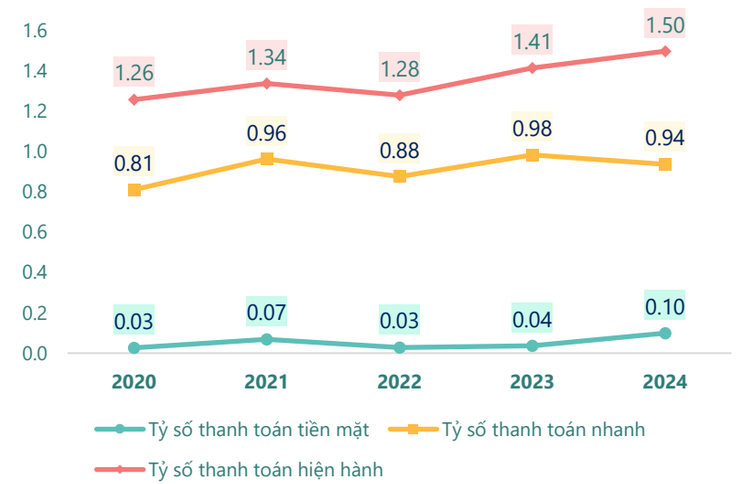
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



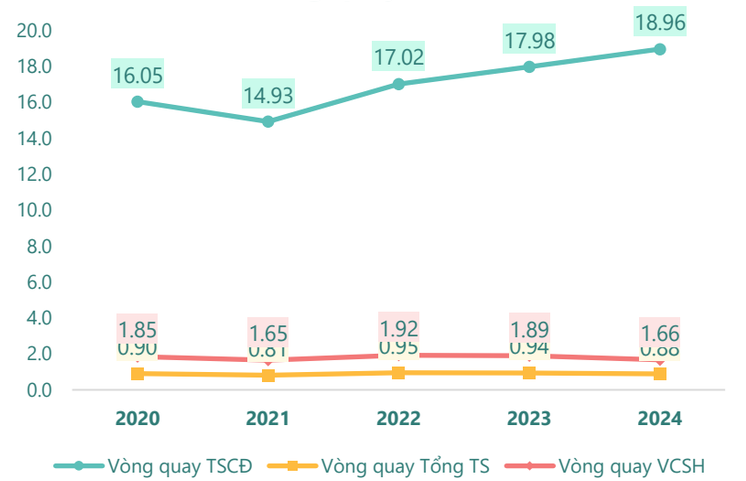
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



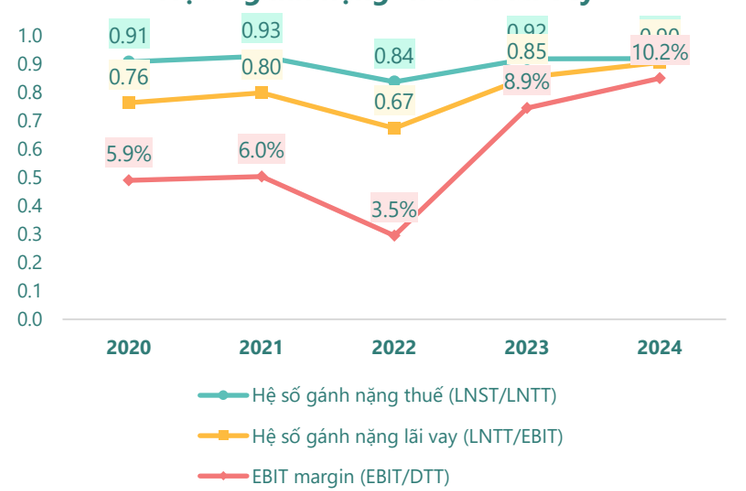
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



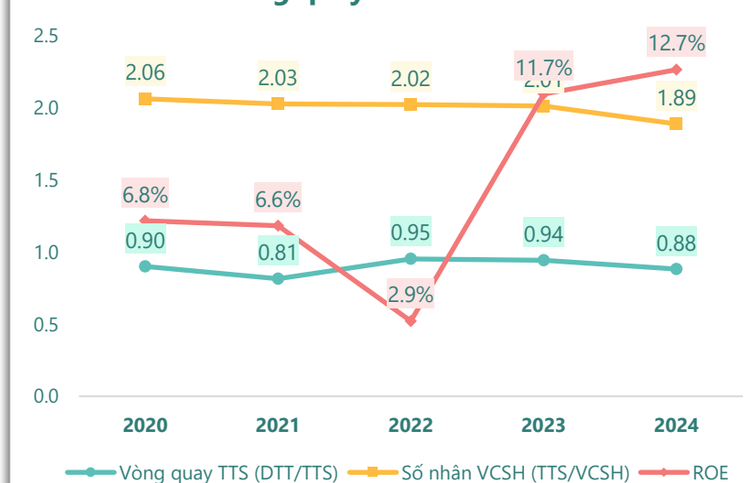
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



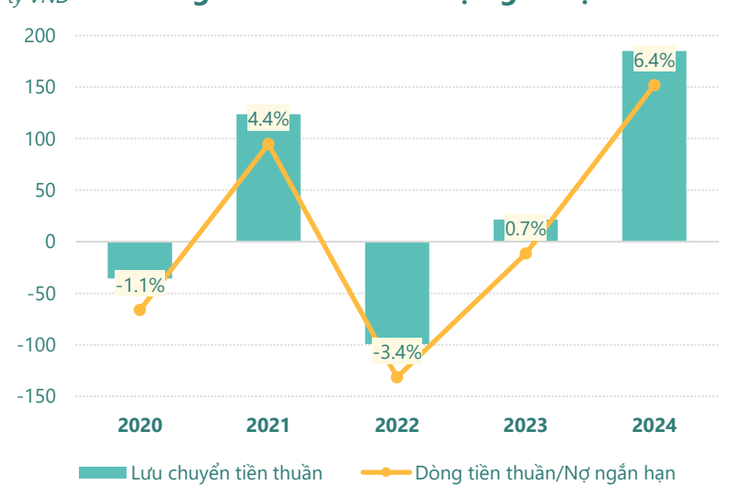
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,401**	**1,529**	**-8.4%**	**2,644**	**2,724**	**-2.9%**
Giá vốn hàng bán	1,258	1,375	-8.5%	2,362	2,416	-2.2%
Lợi nhuận gộp	143	154	-7.2%	281	308	-8.7%
Doanh thu HĐTC	157	157	-0.2%	191	187	2.6%
Chi phí TC	41.9	1.82	2201%	54.8	23.9	129%
Chi phí lãi vay	15.8	12.3	28.7%	30.8	26.4	16.7%
LN trong công ty LKLD	**-0.90**	**68.9**	**-101%**	**23.3**	**109**	**-78.5%**
Chi phí bán hàng	64.7	65.5	-1.2%	125	128	-1.9%
Chi phí QLDN	**31.9**	**46.1**	**-30.7%**	**60.1**	**79.4**	**-24.3%**
LN thuần từ HĐKD	160	266	-39.8%	256	372	-31.2%
Lợi nhuận khác	**-0.48**	**0.14**	**-441%**	**-0.75**	**0.31**	**-343%**
LN trước thuế	160	267	-40.2%	255	373	-31.5%
Lợi nhuận sau thuế	**153**	**259**	**-41.1%**	**238**	**353**	**-32.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**142**	**248**	**-42.7%**	**215**	**329**	**-34.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-14.2	-93.3	17.7	-45.5	-61.9	-574
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.00	33.7	643	-237	-207	466
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-22.4	47.5	-172	31.1	33.0	155
Tiền đầu kỳ	104	63.7	54.9	541	289	52.9
Lưu chuyển tiền thuần	**-40.6**	**-12.1**	**489**	**-251**	**-236**	**46.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	3.27	-3.59	-0.05	0.07	0.02
Tiền cuối kỳ	63.7	54.9	541	289	52.9	99.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,923**	**6,455**	**7.2%**
Tài sản ngắn hạn	4,939	4,363	13.2%
Tiền và tương đương tiền	99.9	289	-65.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	764	756	1.1%
Phải thu ngắn hạn	2,357	1,646	43.2%
Hàng tồn kho	1,686	1,633	3.2%
Tài sản ngắn hạn khác	32.5	39.5	-17.8%
Tài sản dài hạn	**1,984**	**2,092**	**-5.2%**
Phải thu dài hạn	1.44	0.71	103%
Tài sản cố định	269	281	-4.3%
Bất động sản đầu tư	35.2	35.8	-1.4%
Tài sản dở dang	6.88	0.80	759%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,636	1,739	-5.9%
Tài sản dài hạn khác	**35.6**	**35.3**	**0.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,441	2,946	16.8%
Nợ ngắn hạn	**3,408**	**2,914**	**16.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,396	1,208	15.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,599	1,556	2.8%
Nợ dài hạn	33.3	31.5	5.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	30.0	30.2	-0.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,482**	**3,510**	**-0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**3,482**	**3,510**	**-0.8%**
Vốn điều lệ	2,370	2,370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)